

Số: 2563 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của  
Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu  
chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức  
thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 về  
quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm  
2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng  
theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan,  
tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Đại diện Lãnh đạo về chất lượng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở KHCN;
- Lưu: VT, TKISO.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phương**

**Phụ lục**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND TỈNH VÀ**  
**VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ ĐƯỢC**  
**CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2563 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	TÊN QUY TRÌNH
<b>I</b>	<b>QUY TRÌNH HỆ THỐNG (06 Quy trình)</b>
1.	Sổ tay chất lượng
2.	Chính sách chất lượng của UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh
3.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu/hồ sơ)
4.	Quy trình đánh giá nội bộ
5.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp, hành động khắc phục và cải tiến
6.	Quy trình quản lý rủi ro
<b>II</b>	<b>QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN UBND TỈNH (401 Quy trình)</b>
	<b>LĨNH VỰC NGOẠI VỤ</b>
1.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
2.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
3.	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
4.	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
	<b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ SẮP XẾP LẠI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ</b>
5.	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập
6.	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý
7.	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý
8.	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)

STT	TÊN QUY TRÌNH
9.	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp
10.	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)
11.	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu
	<b>LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (TRỪ CÁC DA TẠI KHU KINH TẾ, CỤM CN, CÁC DỰ ÁN ĐẦU GIÁ, DỰ ÁN CHUYÊN NGÀNH)</b>
12.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh
13.	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh
14.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh
15.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh
16.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
17.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
18.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
19.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.
20.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
21.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh
22.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
23.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu

STT	TÊN QUY TRÌNH
	tur cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
24.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn
25.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh
26.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
27.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
28.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
29.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
30.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
31.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
32.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 NĐ số 31/2021/NĐ-CP)
33.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
34.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư
<b>LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>	
35.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất
36.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất

STT	TÊN QUY TRÌNH
37.	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất
38.	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.
39.	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất
<b>LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM</b>	
40.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.
41.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.
42.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản.
Chương trình đầu tư công	
Dự án nhóm A	
Dự án nhóm B, C	
43.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.
44.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại
45.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm (cấp tỉnh).
46.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
47.	Xác nhận chuyên gia
<b>LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</b>	
48.	Hỗ trợ sau đầu tư cho các dự án đầu tư theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	TÊN QUY TRÌNH
	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN</b>
49.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư
50.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị
51.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công
52.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước
53.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
54.	Quyết định điều chuyển tài sản công
55.	Quyết định bán tài sản công
56.	Quyết định thanh lý tài sản công
57.	Quyết định tiêu hủy tài sản công
58.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại
59.	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc
60.	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án
61.	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội
	<b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG (Nhà ở)</b>
62.	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
63.	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
64.	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
65.	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)
66.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh
67.	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

STT	TÊN QUY TRÌNH
68.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
69.	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
	<b>LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI</b>
70.	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.
71.	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.
72.	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ
	<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG</b>
73.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
74.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch vùngThẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
	<b>LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG</b>
	<b>Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện</b>
75.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
	<b>02 ngày</b> đối với hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ.
	<b>02 ngày</b> đối với hoạt động trồng cây lâu năm
	<b>05 ngày</b> đối với hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác.
	<b>05 ngày</b> đối với các hoạt động: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm.
	<b>07 ngày:</b> Đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy điện
76.	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của

STT	TÊN QUY TRÌNH
	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
	<b>02 ngày</b> đối với hoạt động: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới.
	- <b>03 ngày</b> đối với hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác.
	- <b>05 ngày</b> đối với hoạt động: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xả nước thải vào công trình thủy điện, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ; Xây dựng công trình ngầm.
77.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
78.	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
79.	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
80.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
81.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
82.	Phê duyệt phương án cắm mốc chi giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện
	<b>Lĩnh vực Thương mại biên giới</b>
83.	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào
	<b>Lĩnh vực Thi đua khen thưởng</b>
84.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ
	<b>Lĩnh vực Công nghiệp địa phương</b>
85.	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh
	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b>



STT	TÊN QUY TRÌNH
	<b>Lĩnh vực Khí tượng thủy văn</b>
86.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
87.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
88.	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
	<b>Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>
89.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành
90.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành
91.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
92.	Thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
93.	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm
94.	Thủ tục gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm
95.	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm
96.	Thủ tục gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm
97.	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
98.	Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước
99.	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.
100.	Thủ tục lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh

STT	TÊN QUY TRÌNH
101	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi
	<b>Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản</b>
102	Thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình
103	Thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch
104	Thủ tục Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản
105	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
106	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
107	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản
108	Thủ tục gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
109	Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
110	Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản
111	Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản
112	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
113	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
114	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản
115	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
116	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
117	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
118	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản
	<b>Lĩnh vực Biển và hải đảo</b>
119	Công nhận Khu vực biển
120	Thủ tục khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử
121	Thủ tục khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển

STT	TÊN QUY TRÌNH
	và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu
122	Giao khu vực biển
123	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển
124	Trả lại khu vực biển
125	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển
126	Thủ tục cấp giấy phép nhận chìm ở biển
127	Thủ tục gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển
128	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển
129	Thủ tục trả lại giấy phép nhận chìm
130	Thủ tục cấp lại giấy phép nhận chìm
	<b>Lĩnh vực Đất đai</b>
131	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
132	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp
133	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
134	Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
135	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo
136	Thủ tục điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01/7/2004
137	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
138	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
139	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường

STT	TÊN QUY TRÌNH
	hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
140	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
141	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức
	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>
142	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ
143	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học
144	Cấp giấy phép môi trường (cấp tỉnh)
145	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp tỉnh)
146	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp tỉnh)
147	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh)
148	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)
149	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (Cấp tỉnh)
	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>
	<b>Lĩnh vực Tài chính kế hoạch và Phát triển nông thôn</b>
150	Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chăn nuôi trang trại, hữu cơ; sản xuất giống chất lượng cao; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.
151	Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
152	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
153	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
154	Thủ tục công nhận nghề truyền thống
155	Thủ tục công nhận làng nghề
156	Thủ tục công nhận làng nghề truyền thống
157	Hỗ trợ dự án liên kết
158	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương

STT	TÊN QUY TRÌNH
	<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>
159	Công bố mở Cảng cá loại II
160	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)
161	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)
162	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá
	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>
163	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
164	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
165	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.
166	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý.
167	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
168	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
169	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
170	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.
171	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
172	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
173	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp

STT	TÊN QUY TRÌNH
	phép của UBND tỉnh.
174	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
175	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
176	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
177	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
178	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
179	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
180	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
181	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>
182	Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế
183	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế
184	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập
185	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)
186	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh
187	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý
188	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý
189	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức
190	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích

STT	TÊN QUY TRÌNH
	khác
191	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư)
	<b>Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</b>
192	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.
	<b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>
	<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>
193	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương
194	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng
195	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa
196	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
197	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
	<b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG</b>
	<b>Lĩnh vực Giám định xây dựng</b>
198	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh
199	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)
200	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng
201	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin
202	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn

<b>STT</b>	<b>TÊN QUY TRÌNH</b>
	phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND dân tỉnh cho phép hoạt động
	<b>LĨNH VỰC DU LỊCH</b>
203	Thủ tục Công nhận điểm du lịch cấp tỉnh
204	Thủ tục Công nhận khu du lịch cấp tỉnh
	<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>
205	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
206	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu
207	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu
208	Mua sáng chế, sáng kiến
209	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ
210	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ
211	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ
212	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
213	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ
	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>
	<b>Lĩnh vực Giáo dục Trung học</b>
214	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục
215	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông
216	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)
	<b>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>
217	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục
218	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm
219	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề



STT	TÊN QUY TRÌNH
	ng nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)
220	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tự thực
221	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)
	<b>Lĩnh vực Giáo dục dân tộc</b>
222	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú
223	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú
224	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)
	<b>Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác</b>
225	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương
226	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tự thực, trường phổ thông tự thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tự thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tự thực hoạt động không vì lợi nhuận
227	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tự thực
228	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên
229	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên
230	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia
231	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
232	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia
233	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên
234	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
235	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh
236	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số
237	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
238	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
239	Thủ tục thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa

STT	TÊN QUY TRÌNH
	nhập tư thực
240	Thủ tục tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
241	Thủ tục giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
	<b>Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên</b>
242	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên
243	Thủ tục cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại
244	Thủ tục sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên
245	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên
	<b>Lĩnh vực Thi, tuyển sinh</b>
246	Đăng kí xét tuyển học theo chế độ cử tuyển
	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ THỂ THAO</b>
	<b>Lĩnh vực Di sản Văn hóa</b>
247	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
248	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp
	<b>Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Triển lãm</b>
249	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng
250	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật
251	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc
252	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
	<b>Lĩnh vực Biểu diễn nghệ thuật</b>
253	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu
	<b>Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</b>
254	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội
255	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội
256	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
257	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
258	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

STT	TÊN QUY TRÌNH
	<b>Lĩnh vực Gia đình</b>
259	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
260	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
261	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
262	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
263	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
264	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
	<b>Lĩnh vực Thể dục Thể thao</b>
265	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức
266	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh tổ chức
267	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh
	<b>LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</b>
	<b>Lĩnh vực Báo chí</b>
268	Cho phép hợp báo nước ngoài (địa phương)
269	Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)
	<b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>
	<b>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>
270	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn
271	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
272	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận
273	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	TÊN QUY TRÌNH
274.	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh
275.	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh
276.	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh
277.	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh
278.	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh
279.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận
280.	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
281.	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
282.	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
283.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận
284.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
285.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
286.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập
287.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập
288.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập
	<b>Lĩnh vực Việc làm</b>
289.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
290.	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng

STT	TÊN QUY TRÌNH
	nghe để duy trì việc làm cho người lao động
291	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài
292	Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19
	<b>Lĩnh vực Lao động - Tiền lương</b>
293	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể
294	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể
295	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
296	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
297	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
298	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
299	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
	<b>Lĩnh vực Người có công</b>
300	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm- pu- chia
301	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng"
302	Đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập
	<b>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>
303	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
304	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
305	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
306	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
307	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân
	<b>Lĩnh vực Tổ chức cán bộ</b>
308	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội
	<b>LĨNH VỰC BAN DÂN TỘC</b>
309	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
310	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
	<b>LĨNH VỰC TƯ PHÁP</b>
	<b>Lĩnh vực Giám định tư pháp</b>

<b>STT</b>	<b>TÊN QUY TRÌNH</b>
311	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp
312	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp
313	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định tư pháp của Văn phòng giám định tư pháp
314	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp
	<b>Lĩnh vực Công chứng</b>
315	Thành lập Văn phòng công chứng
316	Hợp nhất Văn phòng công chứng
317	Sáp nhập Văn phòng công chứng
318	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng
319	Thành lập Hội công chứng viên
	<b>Lĩnh vực Thừa phát lại</b>
320	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại
321	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại
322	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại
323	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại
	<b>Lĩnh vực Quốc tịch</b>
324	Nhập quốc tịch Việt Nam
325	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước
326	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước
	<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>
327	Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi
328	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
329	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
	<b>LĨNH VỰC NỘI VỤ</b>
	<b>Lĩnh vực Tổ chức, biên chế</b>
330	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
331	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
332	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh

STT	TÊN QUY TRÌNH
333	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
334	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
335	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
336	Thủ tục về thẩm định đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
337	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
338	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc chính trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
339	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc, thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
340	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh
	<b>Lĩnh vực hội, tổ chức phi chính phủ</b>
341	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
342	Thủ tục Thành lập hội
343	Thủ tục Phê duyệt điều lệ hội
344	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội
345	Thủ tục Đổi tên hội
346	Thủ tục Hội tự giải thể
347	Thủ tục Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường
348	Thủ tục Cho phép hội đặt văn phòng đại diện
349	Thủ tục Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
350	Thủ tục Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ
351	Thủ tục Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ
352	Thủ tục Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ
353	Thủ tục Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (cấp tỉnh)
354	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ
355	Thủ tục Đổi tên quỹ
356	Thủ tục Quỹ tự giải thể

STT	TÊN QUY TRÌNH
	<b>Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo</b>
357	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định hiến chương của tổ chức
358	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.
359	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
360	Thủ tục đăng ký tuyên chuyên chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
361	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
362	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
363	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
364	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
365	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
366	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan)
367	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
368	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
369	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
370	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
	<b>Lĩnh vực Chính quyền địa phương</b>
371	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã
372	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới
	<b>Lĩnh vực Công tác thanh niên</b>
373	Thủ tục Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
374	Thủ tục Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh



STT	TÊN QUY TRÌNH
375	Thủ tục Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
	<b>Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng</b>
376	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
377	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
378	Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
379	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc
380	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề
381	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề
382	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất
383	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình
384	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại
	<b>Lĩnh vực Người có công</b>
385	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
386	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>
387	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh
388	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh
	<b>Lĩnh vực Công chức viên chức</b>
389	Thủ tục xét tuyển công chức
390	Thủ tục thi nâng ngạch công chức
	<b>LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO</b>
391	Quy trình Tổ chức tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh
392	Quy trình Tổ chức tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh

<b>STT</b>	<b>TÊN QUY TRÌNH</b>
393	Quy trình Tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh
394	Quy trình Xử lý đơn kiến nghị, phản ánh do UBND tỉnh tiếp nhận
395	Quy trình Công khai quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh
396	Quy trình Tổ chức thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh
397	Quy trình Xử lý đơn khiếu nại do UBND tỉnh tiếp nhận
398	Quy trình Xử lý đơn tố cáo do UBND tỉnh tiếp nhận
399	Quy trình ban hành Quyết định giải quyết vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.
400	Quy trình ban hành Kết luận nội dung tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh
	<b>LĨNH VỰC NỘI CHÍNH</b>
401	Quy trình phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh
<b>III</b>	<b>CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ</b>
1.	Quy trình Đăng ký, xây dựng chương trình công tác
2.	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức
3.	Quy trình Quản lý văn bản đi tại Văn phòng UBND tỉnh
4.	Quy trình Quản lý văn bản đến tại Văn phòng UBND tỉnh
5.	Quy trình thanh toán nội bộ
6.	Quy trình quản lý tài sản
7.	Quy trình quản lý đăng ký sử dụng tài sản
8.	Quy trình bảo trì, sửa chữa tài sản
9.	Quy trình lập hồ sơ hiện hành và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan
10.	Quy trình họp giao ban khối Chuyên viên nghiên cứu
11.	Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo
12.	Quy trình bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức của cơ quan
13.	Quy trình xin nghỉ phép, nghỉ việc riêng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại Văn phòng
14.	Quy trình phối hợp giữa các đơn vị để giải quyết công việc cơ quan
15.	Quy trình xét Thi đua - Khen thưởng

<b>STT</b>	<b>TÊN QUY TRÌNH</b>
<b>IV</b>	<b>QUY TRÌNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VĂN PHÒNG</b>
16.	Quy trình Ban hành Danh mục hồ sơ hàng năm
17.	Quy trình chỉnh lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ
18.	Quy trình mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm và hàng hóa, vật tư
19.	Quy trình Tiếp khách
20.	Quy trình hướng dẫn công chức, viên chức mới tuyển dụng, điều chuyển đến cơ quan
21.	Quy trình kế toán thanh toán, quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước
22.	Quy trình Quản lý bảo dưỡng Hệ thống Máy điều hòa
23.	Quy trình Quản lý Đồng hồ treo tường
24.	Quy trình phòng chống lụt bão
25.	Quy trình xử lý sự cố mất điện
26.	Quy trình xuất bản công báo
27.	Quy trình biên tập và cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử Thừa Thiên Huế
28.	Quy trình thu thập, sử dụng và chia sẻ thông tin cá nhân trên Cổng Thông tin điện tử Thừa Thiên Huế
29.	Quy trình quản lý mạng tin học nội bộ của Văn phòng UBND tỉnh
30.	Quy trình sao lưu và khôi phục dữ liệu
31.	Quy trình Cấp mới, cấp đổi tài khoản sử dụng Dịch vụ công
32.	Quy trình Hỗ trợ công dân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ
33.	Quy trình Xử lý kiến nghị, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính
34.	Quy trình Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp)
35.	Quy trình Yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ (trực tiếp)
36.	Quy trình Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến)
37.	Quy trình Yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ (trực tuyến)
38.	Quy trình Thu phí, lệ phí
39.	Quy trình Số hóa thành phần hồ sơ
40.	Quy trình Yêu cầu bổ sung nội dung hồ sơ (trực tiếp)
41.	Quy trình Yêu cầu bổ sung nội dung hồ sơ (trực tuyến)
42.	Quy trình Yêu cầu gia hạn thời gian giải quyết hồ sơ
43.	Quy trình Yêu cầu xác minh hồ sơ

<b>STT</b>	<b>TÊN QUY TRÌNH</b>
44.	Quy trình Yêu cầu thu phí, lệ phí bổ sung
45.	Quy trình Trả kết quả giải quyết TTHC (trực tiếp)
46.	Quy trình Trả kết quả giải quyết tthc (trực tuyến mức độ 3)
47.	Quy trình Trả kết quả giải quyết tthc (trực tuyến mức độ 4)
48.	Quy trình Trả hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết
49.	Quy trình Giám sát công tác tiếp nhận hồ sơ trực tiếp
50.	Quy trình Giám sát công tác tiếp nhận hồ sơ trực tuyến
51.	Quy trình Giám sát công tác tiếp nhận hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **BẢN CÔNG BỐ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với hoạt động trong lĩnh vực quản lý tại Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh**  
*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2563 /QĐ-UBND Ngày 30/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.**

*Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 10 năm 2023*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phương**